

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 03/7/2024

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Bà **Phạm Hồng Gái**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã B, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã B, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T lấy nhau là do mai mối được hai bên gia đình đồng ý tổ chức làm đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2018.

Theo chị Trần Thị N trình bày, thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2023 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, đôi khi có cự cãi nhau, chị N và anh T đã sống ly thân từ 03 đến 04 tháng nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Trần Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết được ly hôn với anh Võ Văn T.

- Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T có 01 người con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 21/6/2018, hiện nay đang ở cùng chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Võ Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: anh Võ Văn T và chị Trần Thị N lấy nhau là do mai mối được hai bên gia đình đồng ý tổ chức làm đám cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2018. Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau thì giữa vợ chồng phát nhiều mâu thuẫn, đôi khi có cự cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ 03 đến 04 tháng nay. Nay theo yêu cầu của chị Trần Thị N, anh Võ Văn T đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N.

- Về con chung: Anh Võ Văn T và chị Trần Thị N có 01 người con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 21/6/2018, hiện nay con chung đang ở với chị N. Ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh Võ Văn T và chị Trần Thị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Võ Văn T và chị Trần Thị N không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Trần Thị N thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp ấp Vàm Rầy, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2018. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị N và anh T mà chị N đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Trần Thị N và anh Võ Văn T phát sinh mâu thuẫn do cự cãi nhau và hiện nay chị N và anh T đã sống ly thân từ 03 đến 04 tháng nay. Mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm hay hỏi thăm nhau. Điều này đã được chị N và anh T thừa nhận. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Võ Văn T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T có 01 người con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 21/6/2018, hiện nay con chung đang ở với chị N. Chị N và anh T đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Võ Tuấn A từ trước đến nay đều sống với chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị N và anh T sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh T cũng không quan tâm, hỏi thăm hay gửi tiền về phụ giúp chị N nuôi con, điều này cũng được anh T thừa nhận. Do đó, yêu cầu của chị N là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Võ Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Trần Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Võ Tuấn A, sinh ngày 21/6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xét.

4. *Về nợ chung:* Chị Trần Thị N và anh Võ Văn T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên không xét.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 23/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Trần Thị N không phải nộp thêm.

6. *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *UBND xã Bình Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến

